Câu 1: Câu trả lời sau đây, câu nào diễn đạt chưa chuẩn xác:  
a) Chủ nghĩa Mác là học thuyết do C.Mác sáng lập.  
b) Chủ nghĩa Mác là học thuyết về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động.  
c) Chủ nghĩa Mác là thế giới quan và phương pháp luận chung của mọi nhận thức và thực tiễn.  
d) Chủ nghĩa mác là học thuyết được xây dựng trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của lịch sử tư tưởng nhân loại và thực tiễn cách mạng

C

Câu 2: Phát kiến vĩ đại nhất của Các Mác trên lĩnh vực nghiên cứu triết học và kinh tế chính trị là:  
a) Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và học thuyết giá trị lao động.  
b) Sáng tạo ra phép biện chứng duy vật và học thuyết giá trị thặng dư.  
c) Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và học thuyết giá trị thặng dư.  
d) Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư

D

Câu 3: Trong tác phẩm kinh điển sau đây, tác phẩm nào được đánh giá là văn kiện đầu tiên có tính cương lĩnh của chủ nghĩa Mác, thể hiện sự chín muồi về mặt thế giới quan mới của C. Mác và Ăngghen:  
a) Gia đình thần thánh (1845).  
b) Hệ tư tưởng Đức (1845 - 1846).  
c) Luận cương về L. Phoiơbắc (1845).  
d) Tuyên ngôn của đảng cộng sản (1848).

D

Câu 4: Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, bộ phận lý luận nào có chức năng làm sáng tỏ bản chất và những quy luật chung nhất của mọi sự vận động, phát triển của thế giới?  
a) Triết học Mác - Lênin.  
b) Kinh tế chính trị Mác - Lênin.  
c) Chủ nghĩa xã hội khoa học.  
d) Không có bộ phận nào giữ chức năng đó vì chủ nghĩa Mác - Lênin thuộc khoa học xã hội.

A

Câu 5: Trong các câu hỏi sau đây, câu hỏi nào là biến thể của cách diễn đạt vấn đề cơ bản của triết học:  
a) Não người đã phát triển như thế nào?  
b) Nội dung của các tư tưởng của con người xuất hiện từ đâu và bằng cách nào?  
c) Tư duy được thực hiện trong các hình thức nào và tuân theo các quy luật nào?  
d) Mục đích và ý nghĩa của sự tồn tại người là gì?

B

Câu 6: Khái niệm: "Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin" là chỉ:  
a) Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.  
b) Những quan điểm cơ bản, nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin.  
c) Những quan điểm mang tính chất chân lý bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin.  
d) Những quan điểm cơ bản, nền tảng và có tính chất chân lý bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin.

D

Câu 7: Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học:  
a) Đã phát triển đến mức hoàn toàn đầy đủ, không cần phát triển gì thêm.  
b) Trong đó mọi vấn đề được giải quyết triệt để, chỉ cần nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn.  
c) Có thể thay thế cho mọi khoa học.  
d) Không ngừng phát triển trên cơ sở tổng kết những thành tựu mới của sự phát triển các khoa học và thực tiễn.

D

Câu 8: Trong tác phẩm kinh điển nào sau đây, tác phẩm nào thể hiện sự tập trung đầy đủ nhất nội dung lý luận kinh tế chính trị học của chủ nghĩa Mác? Tác phẩm đó của ai?  
a) Phê phán cương lĩnh Gôta/ C.Mác.  
b) Phê phán cương lĩnh Gôta/ Ph. Ăngghen.  
c) Bộ Tư bản/ C. Mác.  
d) Bộ Tư bản/ Ăngghen.

C

Câu 9: Trong tác phẩm kinh điển nào sau đây, tác phẩm nào thể hiện tập trung việc V.I. Lênin đã kế thừa và phát triển quan niệm của chủ nghĩa Mác về vật chất, về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, tồn tại xã hội và ý thức xã hội:  
a) Làm gì.  
b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.  
c) Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác.  
d) Bút ký triết học.

B

Câu 10: Trong tác phẩm kinh điển nào sau đây, tác phẩm nào thể hiện tập trung việc V.I. Lênin đã kế thừa và phát triển tư tưởng biện chứng trong triết học của G.W.Ph. Hêghen?  
a) Làm gì?  
b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.  
c) Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác.  
d) Bút ký triết học.

D

Câu 11: Theo Ph. Ăngghen, vấn đề cơ bản lớn của triết học là vấn đề về:  
a) Vật chất.  
b) Ý thức.  
c) Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại.  
d) Quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy con người.

C

Câu 12: Hai khái niệm triết học và thế giới quan...  
a) Là trùng nhau vì đều là hệ thống quan điểm chung về thế giới.  
b) Triết học không phải là toàn bộ thế giới quan mà chỉ là hạt nhân lý luận chung nhất của thế giới quan.  
c) Không phải mọi triết học đều là hạt nhân lý luận của thế giới quan mà chỉ có triết học Mác - Lênin mới là hạt nhân lý luận của thế giới quan.  
d) Là hoàn toàn khác nhau.

B

Câu 13: Nội dung mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học là:  
a) Quan hệ giữa vật chất với ý thức.  
b) Quan hệ giữa ý thức với vật chất.  
c) Khả năng nhận thức thế giới của con người.  
d) Bản chất của thế giới là vật chất hay ý thức.

D

Câu 14: Hệ thống triết học nào quan niệm sự vật là phức hợp của cảm giác?  
a) Chủ nghĩa duy vật siêu hình.  
b) Chủ nghĩa duy vật biện chứng.  
c) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
d) Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

C

Câu 15: Hệ thống triết học nào coi cảm giác là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan?  
a) Chủ nghĩa duy vật biện chứng.  
b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình.  
c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan.  
d) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

A

Câu 16: Các trình độ phát triển của thế giới quan:  
a) Thế giới quan tôn giáo - thế giới quan huyền thoại - thế giới quan triết học.  
b) Thế giới quan tôn giáo - thế giới quan triết học - thế giới quan huyền thoại.  
c) Thế giới quan huyền thoại - thế giới quan tôn giáo - thế giới quan triết học.  
d) Thế giới quan huyền thoại - thế giới quan siêu hình - thế giới quan triết học.

C

Câu 17: Thế giới quan là:  
a) Quan niệm của con người về thế giới.  
b) Hệ thống quan niệm của con người về thế giới.  
c) Hệ thống quan niệm, quan điểm lý luận của con người về thế giới.  
d) Hệ thống quan niệm, quan điểm chung nhất của con người về thế giới.

D

Câu 18: Trong xã hội có giai cấp, triết học:  
a) Cũng có tính giai cấp.  
b) Không có tính giai cấp.  
c) Chỉ triết học phương Tây mới có tính giai cấp.  
d) Chỉ có triết học phương Đông mới có tính giai cấp.

A

Câu 19: Chọn luận điểm thể hiện lập trường triết học duy tâm lịch sử:  
a) Quan hệ sản xuất mang tính vật chất.  
b) Yếu tố kinh tế quyết định lịch sử.  
c) Sự vận động và phát triển của xã hội, suy cho cùng là do tư tưởng của con người quyết định.  
d) Kiến trúc thương tầng chỉ đóng vai trò thụ động trong lịch sử.

C

Câu 20: Nhận định sau thuộc lập trường triết học nào? "Nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất trong lịch sử".  
a) Chủ nghĩa duy vật biện chứng.  
b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan.  
d) Chủ nghĩa duy vật tầm thường.

D

Câu 21: Phép biện chứng cổ đại là:  
a) Biện chứng duy tâm.  
b) Biện chứng ngây thơ, chất phác.  
c) Biện chứng duy vật khoa học  
d) Biện chứng chủ quan.

B

Câu 22: Phép biện chứng của triết học Hêghen là:  
a) Phép biện chứng duy tâm chủ quan.  
b) Phép biện chứng duy vật hiện đại.  
c) Phép biện chứng ngây thơ, chất phác.  
d) Phép biện chứng duy tâm khách quan.

D

Câu 23: Vận động của tự nhiên và lịch sử chỉ là sự tha hóa sự tự vận động của ý niệm tuyệt đối. Quan niệm trên thuộc lập trường triết học nào?  
a) Chủ nghĩa duy vật.  
b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan.  
d) Chủ nghĩa nhị nguyên triết học.

C

Câu 24: Chọn phương án đúng để điền vào chỗ trống: "Điểm xuất phát ... là sự khẳng định những sự vật hiện tượng của tự nhiên đều bao hàm những mâu thuẫn vốn có của chúng".  
a) Phép siêu hình.  
b) Phép biện chứng.  
c) Phép biện chứng duy tâm.  
d) Phép biện chứng duy vật.

B

Câu 25: "Tất cả cái gì đang vận động, đều vận động nhờ một cái khác nào đó". Nhận định này gắn liền với hệ thống triết học nào? Hãy chọn phương án sai?  
a) Triết học duy vật.  
b) Triết học duy tâm.  
c) Triết học duy tâm khách quan.  
d) Triết học duy tâm chủ quan.

A

Câu 26: Nên gắn ý kiến: "Nguyên nhân cao hơn, hoàn thiện hơn kết quả của nó" với lập trường triết học nào?  
a) Triết học duy tâm chủ quan.  
b) Triết học duy tâm khách quan.  
c) Triết học duy vật.  
d) Triết học duy vật biện chứng.

B

Câu 27: Triết học bao gồm những quan điểm chung nhất, những sự lý giải có luận chứng cho các câu hỏi chung của con người, nên triết học bao gồm toàn bộ tri thức của nhân loại. Kết luận trên ứng với triết học thời kỳ nào? Chọn câu trả lời đúng.  
a) Triết học cổ đại.  
b) Triết học phục hưng.  
c) Triết học Trungcổ - Tâyâu.  
d) Triết học Mác - Lênin.

A

Câu 28: Xác định quan điểm duy vật biện chứng trong số những luận điểm sau:  
a) Thế giới thống nhất ở tính tồn tại của nó.  
b) Thế giới thống nhất ở nguồn gốc tinh thần.  
c) Thế giới thống nhất ở tính vật chất.  
d) Thế giới thống nhất ở sự suy nghĩ về nó như là nó là cái thống nhất.

C

Câu 29: Khi khoa học tự nhiên phát hiện ra tia X, ra hiện tượng phóng xạ, ra điện tử là một thành phần cấu tạo nên nguyên tử. Theo V.I. Lênin điều đó chứng tỏ gì?  
a) Vật chất không tồn tại thật.  
b) Vật chất tiêu tan mất.  
c) Giới hạn hiểu biết của chúng ta về vật chất mất đi.  
d) Vật chất có tồn tại thực sự nhưng không thể nhận thức được.

C

Câu 30: Những phát minh của vật lý học cận đại đã bác bỏ khuynh hướng triết học nào?  
a) Duy vật chất phác.  
b) Duy vật siêu hình.  
c) Duy vật biện chứng.  
d) Duy vật chất phác và duy vật siêu hình.

D

Câu 31: Khái niệm trung tâm mà V.I. Lênin sử dụng để định nghĩa về vật chất là?  
a) Phạm trù triết học.  
b) Thực tại khách quan.  
c) Cảm giác.  
d) Phản ánh.

B

Câu 32: Trong định nghĩa về vật chất của mình, V.I.Lênin cho thuộc tính chung nhất của vật chất là:  
a) Tự vận động.  
b) Cùng tồn tại.  
c) Đều có khả năng phản ánh.  
d) Tồn tại khách quan bên ngoài ý thức không lệ thuộc vào cảm giác.

D

Câu 33: Xác định mệnh đề sai?  
a) Vật thể không phải là vật chất.  
b) Vật chất không chỉ có một dạng tồn tại là vật thể.  
c) Vật thể là một dạng cụ thể của vật chất.  
d) Vật chất tồn tại thông qua những dạng cụ thể của nó.

A

Câu 34: Xác định mệnh đề đúng theo quan điểm duy vật biện chứng:  
a) Phản điện tử, phản hạt nhân là phi vật chất.  
b) Phản điện tử, phản hạt nhân là thực tại khách quan, là dạng cụ thể của vật chất.  
c) Phản vật chất là sự tưởng tượng thuần túy của các nhà vật lý học.  
d) Phản vật chất không phải là vật chất.

B

Câu 35: Sai lầm của các nhà triết học cổ đại trong quan niệm về vật chất?  
a) Đồng nhất vật chất với một số dạng vật thể cụ thể, cảm tính.  
b) Vật chất là tất cả cái tồn tại khách quan.  
c) Vật chất là có thể nhận thức được.  
d) Vật chất tự thân vận động.

A

Câu 36: Theo Ph. Ăngghen, tính thống nhất của vật chất được chứng minh bởi:  
a) Thực tiễn lịch sử.  
b) Thực tiễn cách mạng.  
c) Sự phát triển lâu dài của khoa học.  
d) Sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên.

D

Câu 37: Trung tâm định nghĩa vật chất của V.I.Lênin là cụm từ nào?  
a) Thực tại khách quan.  
b) Phạm trù triết học.  
c) Được đem lại cho con người trong cảm giác.  
d) Không lệ thuộc vào cảm giác.

a) Thực tại khách quan.

Câu 38: Thuộc tính cơ bản nhất của vật chất, nhờ đó phân biệt vật chất với ý thức đã được V.I.Lênin xác định trong định nghĩa vật chất là thuộc tính:  
a) Tồn tại.  
b) Tồn tại khách quan.  
c) Có thể nhận thức được.  
d) Tính đa dạng.

B

Câu 39: Xác định nội dung cơ bản trong định nghĩa của V.I.Lênin về vật chất:  
a) Thực tại khách quan.  
b) Thực tại khách quan tồn tại độc lập với cảm giác.  
c) Thực tại khách quan - tồn tại độc lập với ý thức và khi tác động đến giác quan con người thì có thể sinh ra cảm giác.  
d) Tồn tại khách quan nhưng không thể nhận biết ra nó vì thực tại đó là một sự trừu tượng của tư duy.

C

Câu 40: Nếu không thừa nhận vật chất tự thân vận động thì nhất định dẫn tới quan điểm duy tâm về nguồn gốc của vận động của vật chất, vì:  
a) Sẽ phải thừa nhận nguyên nhân của vật chất là từ ý thức.  
b) Sẽ phải thừa nhận nguyên nhân cuối cùng của mọi vận động của vật chất là từ ý thức.  
c) Sẽ phải thừa nhận vật chất không vận động.  
d) Sẽ phải thừa nhận nguyên nhân vận động của vật chất là từ thượng đế.

B

Câu 41: Đứng im là:  
a) Tuyệt đối.  
b) Tương đối.  
c) Vừa tuyệt đối vừa tương đối.  
d) Không có đáp án đúng.

B

Câu 42: Không gian và thời gian:  
a) Không gian là hình thức tồn tại của vật chất, còn thời gian là phương thức tồn tại của vật chất.  
b) Không gian là phương thức tồn tại của vật chất, còn thời gian là hình thức tồn tại của vật chất.  
c) Không gian và thời gian đều là những hình thức cơ bản của tồn tại vật chất.  
d) Không gian và thời gian đều là những phương thức tồn tại cơ bản của tồn tại vật chất.

C

Câu 43: Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin thuộc tính phản ánh là thuộc tính?  
a) Riêng có ở con người.  
b) Chỉ có ở các cơ thể sống.  
c) Chỉ có ở các chất vô cơ.  
d) Phổ biến ở mọi tổ chức vật chất.

D

Câu 44: Nhân tố cơ bản, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức:  
a) Lao động và ngôn ngữ.  
b) Lao động trí óc và lao động chân tay.  
c) Thực tiễn kinh tế và lao động.  
d) Lao động và nghiên cứu khoa học.

A

Câu 45: Nguồn gốc xã hội trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là:  
a) Lao động trí óc.  
b) Thực tiễn.  
c) Giáo dục.  
d) Nghiên cứu khoa học.

B

Câu 46: Chọn từ phù hợp điền vào câu sau cho đúng quan điểm duy vật biện chứng: "Ý niệm chẳng qua là ... được di chuyển vào bộ óc con người và được cải biến đi ở trong đó".  
a) Vật chất.  
b) Cái vật chất.  
c) Vật thể.  
d) Thông tin.

B

Câu 47: Sự thông thái của con người:  
a) Được thể hiện nhiều hơn trong hoạt động nghiên cứu lý luận.  
b) Được thể hiện nhiều hơn trong hoạt động thực tiễn.  
c) Được thể hiện chắc chắn hơn trong hoạt động lý luận.  
d) Được thể hiện chắc chắn hơn trong hoạt động thực tiễn.

D

Câu 48: Phương pháp luận chung của chủ nghĩa duy vật là trong nhận thức và thực tiễn cần:  
a) Xuất phát từ thực tế khách quan.  
b) Phát huy năng động chủ quan.  
c) Xuất phát từ thực tế khách quan đồng thời phát huy năng động chủ quan.  
d) Phát huy năng động chủ quan trên cơ sở tôn trọng thực tế khách quan.

A

Câu 49: Đặc điểm chủ yếu của phép biện chứng trong triết học Hylạp là:  
a) Tính chất duy tâm.  
b) Tính chất duy vật, chưa triệt để.  
c) Tính chất tự phát, ngây thơ, mộc mạc.  
d) Tính chất khoa học.

C

Câu 50: Phép biện chứng nào cho rằng biện chứng ý niệm sinh ra biện chứng của sự vật?  
a) Phép biện chứng thời cổ đại.  
b) Phép biện chứng của các nhà tư tưởng xã hội dân chủ Nga.  
c) Phép biện chứng duy vật.  
d) Phép biện chứng duy tâm khách quan.

D

Câu 51: Tại sao C.Mác nói phép biện chứng của G.W.Ph.Hêghen là phép biện chứng lộn đầu xuống đất?  
a) Thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất.  
b) Thừa nhận tinh thần là sản phẩm của thế giới vật chất.  
c) Thừa nhận sự tồn tại độc lập của tinh thần.  
d) Thừa nhận tự nhiên, xã hội là sản phẩm của quá trình phát triển của tinh thần, ý niệm.

D

Câu 52: Biện chứng khách quan là gì?  
a) Là những quan niệm biện chứng tiên nghiệm, có trước kinh nghiệm.  
b) Là những quan niệm biện chứng được rút ra từ ý niệm tuyệt đối, độc lập với ý thức con người.  
c) Là biện chứng của các tồn tại vật chất.  
d) Là biện chứng không thể nhận thức được nó.

C

Câu 53: Biện chứng chủ quan là gì?  
a) Là biện chứng của tư duy tư biện, thuần túy.  
b) Là biện chứng của ý thức.  
c) Là biện chứng của thực tiễn xã hội.  
d) Là biện chứng của lý luận.

B

Câu 54: Biện chứng tự phát là gì?  
a) Là biện chứng của bản thân thế giới khách quan.  
b) Là biện chứng chủ quan thuần túy.  
c) Là biện chứng của bản thân thế giới khách quan khi con người chưa nhận thức được.  
d) Là những yếu tố biện chứng con người đạt được trong quá trình tìm hiểu thế giới nhưng chưa có hệ thống.

D

Câu 55: Đâu là biện chứng với tư cách là khoa học trong số các quan niệm, các hệ thống lý luận dưới đây?  
a) Những quan niệm biện chứng ở thời kỳ cổ đại.  
b) Những quan niệm biện chứng của các nhà duy vật thế kỷ XVII - XIX.  
c) Những quan niệm biện chứng của các nhà khoa học tự nhiên thế kỷ XVIII - XIX.  
d) Phép biện chứng duy vật.

D

Câu 56: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng giữa biện chứng chủ quan và biện chứng khách quan quan hệ thế nào với nhau?  
a) Biện chứng chủ quan quyết định biện chứng khách quan.  
b) Biện chứng chủ quan hoàn toàn độc lập với biện chứng khách quan.  
c) Biện chứng chủ quan phản ánh biện chứng khách quan.  
d) Biện chứng chủ quan là sự thể hiện của biện chứng chủ quan.

C

Câu 57: Đâu là nội dung nguyên lý của phép biện chứng duy vật về mối liên hệ phổ biến của các sự vật và hiện tượng?  
a) Các sự vật và hiện tượng trong thế giới tồn tại tách rời nhau, giữa chúng không có sự phụ thuộc ràng buộc lẫn nhau.  
b) Các sự vật có sự liên hệ tác động nhau nhưng không có sự chuyển hóa lẫn nhau.  
c) Sự vật khác nhau ở vẻ bề ngoài, do chủ quan con người quy định, bản chất sự vật không có gì khác nhau.  
d) Thế giới là một chỉnh thể thống nhất bao gồm các sự vật, các quá trình vừa tách biệt nhau, vừa có mối liên hệ qua lại với nhau, vừa thâm nhập và chuyển hóa cho nhau.

D

Câu 58: Đâu là quan niệm của phép biện chứng duy vật về cơ sở các mối liên hệ?  
a) Cơ sở liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật và hiện tượng ở ý thức, cảm giác con người.  
b) Cơ sở sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật là ở ý niệm về sự thống nhất của thế giới.  
c) Cơ sở sự liên hệ giữa các sự vật là do các lực bên ngoài có tính chất ngẫu nhiên đối với các sự vật.  
d) Sự liên hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng có cơ sở ở tính thống nhất vật chất của thế giới.

D

Câu 59: Đâu là quan niệm của phép biện chứng duy vật về vai trò của các mối liên hệ đối với sự vận động và phát triển của các sự vật hiện tượng?  
a) Các mối liên hệ có vai trò khác nhau.  
b) Các mối liên hệ có vai trò như nhau.  
c) Các mối liên hệ có vai trò khác nhau tùy vào những điều kiện xác định.  
d) Các mối liên hệ luôn luôn có vai trò khác nhau.

C

Câu 60: V.I.Lênin nói hai quan niệm cơ bản về sự phát triển:  
1. "Sự phát triển coi như là sự giảm đi và tăng lên, như là lặp lại".  
2. "Sự phát triển coi như là sự thống nhất của các mặt đối lập". Câu nói này của V.I.Lênin nói trong tác phẩm nào?  
a) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.  
b) Bút ký triết học.  
c) Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ ra sao?  
d) Về vai trò của chủ nghĩa duy vật chiến đấu.

B

Câu 61: Yêu cầu của quan niệm toàn diện phải xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vât. Yêu cầu này không thực hiện được nhưng vẫn phải đề ra để làm gì?  
a) Chống quan điểm siêu hình.  
b) Chống quan điểm duy tâm.  
c) Chống quan chủ nghĩa triết chung và thuyết ngụy biện.  
d) Đề phòng cho chúng ta khỏi phạm sai lầm và sự cứng nhắc.

D

Câu 62: Phương pháp siêu hình thống trị triết học vào thời kỳ nào?  
a) Thế kỷ XV - XVI.  
b) Thế kỷ XVII - XVIII.  
c) Thế kỷ XVIII - XIX.  
d) Thế kỷ XIX - XX.

B

Câu 63: Có mấy hình thức cơ bản của phép biện chứng?  
a) Có 2.  
b) Có 3.  
c) Có 4.  
d) Có 5.

B

Câu 64: Phép biện chứng duy vật bao gồm những nguyên lý, quy luật cơ bản nào?  
a) 1 nguyên lý, 1 quy luật.  
b) 1 nguyên lý, 2 quy luật.  
c) 2 nguyên lý, 2 quy luật.  
d) 2 nguyên lý, 3 quy luật.

D

Câu 65: Phép biện chứng nào được coi là khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người?  
a) Phép biện chứng cổ đại.  
b) Phép biện chứng cổ điển Đức.  
c) Phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin.  
d) Phép biện chứng của G.W.Ph.Hêghen.

C

Câu 66: Quan niệm nào cho rằng cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là ở tính thống nhất vật chất của thế giới?  
a) Chủ nghĩa duy vật chất phác.  
b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình.  
c) Chủ nghĩa duy tâm.  
d) Phép biện chứng duy vật.

D

Câu 67: Quan niệm nào cho rằng cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là ở "ý niệm tuyệt đối"?  
a) Chủ nghĩa duy tâm.  
b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.  
c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan.  
d) Chủ nghĩa duy vật.

C

Câu 68: Quan niệm nào khẳng định giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan luôn tồn tại trong tính quy định và tương tác, làm biến đổi lẫn nhau?  
a) Quan niệm siêu hình.  
b) Quan niệm duy vật.  
c) Quan niệm duy vật cận đại Tây - Âu.  
d) Quan niệm biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

D

Câu 69: Nguồn gốc, động lực cơ bản của sự vận động phát triển là do:  
a) Sự thống nhất của các mặt đối lập.  
b) Sự đấu tranh của các mặt đối lập.  
c) Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.  
d) Sự mâu thuẫn của các mặt đối lập.

C

Câu 70: Luận điểm"bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội" dựa trên quan điểm nào?  
a) Quan niệm duy vật.  
b) Quan niệm duy tâm.  
c) Quan niệm duy vật siêu hình.  
d) Quan niệm duy vật biện chứng.

D

Câu 71: Cơ sở trực tiếp và chủ yếu nhất để hình thành khái niệm là gì?  
a) Thế giới tự nhiên.  
b) Thực tiễn.  
c) Cảm giác.  
d) Tri gác và biểu tượng.

B

Câu 72: Các phạm trù được hình thành thông qua quá trình...những thuộc tính, những mối liên hệ vốn có bên trong của bản thân sự vật.  
a) Liệt kê và phân tích.  
b) Chứng minh.  
c) Khái quát hóa và trừu tượng hóa.  
d) Khái quát hóa và chứng minh.

C

Câu73: Nội dung của các phạm trù luôn luôn mang tính...  
a) Khách quan.  
b) Chủ quan.  
c) Chân thực.  
d) Khách quan và chủ quan.

A

Câu 74: Phạm trù là những...phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định.  
a) Khái niệm.  
b) Khái niệm rộng.  
c) Khái niệm rộng nhất.  
d) Khái niệm hẹp.

C

Câu 75: "Cái riêng - cái chung" , "nguyên nhân - kết quả", "tất nhiên - ngẫu nhiên", "nội dung - hình thức", "bản chất - hiện tượng", "khả năng - hiện thực" đó là các...của triết học Mác - Lênin.  
a) Cặp khái niệm.  
b) Cặp phạm trù cơ bản.  
c) Thuật ngữ cơ bản.  
d) Cặp phạm trù.

B

Câu 76: Có sự khác nhau nào giữa "khái niệm" và "phạm trù"?  
a) "Khái niệm" chính là "phạm trù".  
b) "Phạm trù" phải là những "khái niệm" rộng nhất.  
c) "Khái niệm" không bao giờ là một "phạm trù".  
d) "Khái niệm" phải là những "phạm trù" rộng nhất.

B

Câu 77: "Phạm trù chỉ là những từ trống rỗng, do con người tưởng tượng ra, đầy tính chủ quan và không biểu hiện hiện thực". Đây là quan niệm của trường phái nào?  
a) Trường phái triết học duy thực.  
b) Trường phái triết học duy danh.  
c) Trường phái Cantơ.  
d) Trường phái triết học Mác - Xít.

B

Câu 78: Hình thức cơ bản, đầu tiên của mọi quá trình tư duy là?  
a) Cảm giác.  
b) Biểu tượng.  
c) Khái niệm.  
d) Suy luận.

C

Câu 79: Cái riêng là một phạm trù dùng để chỉ...  
a) Những mặt, những thuộc tính chung của nhiều sự vật.  
b) Một sự vật, một hiện tượng, một quá trình riêng lẻ nhất định.  
c) Những nét, những thuộc tính chỉ có ở một sự vật.  
d) Các yếu tố cấu thành một hệ thống.

B

Câu 80: Khái niệm đơn nhất dùng để chỉ cái...  
a) Tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tượng.  
b) Chỉ tồn tại ở một sự vật, một hiện tượng, tuyệt đối không lặp lại ở sự vật, hiện tượng khác.  
c) Tồn tại ở một sự vật, hiện tượng trong một quan hệ xác định.  
d) Tồn tại ở một sự vật, một hiện tượng.

B

Câu 81: Cái ...chỉ tồn tại trong cái...thông quan cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình.  
a) Chung/Riêng.  
b) Riêng/Chung.  
c) Chung/Đơn nhất.  
d) Đơn nhất/Riêng.

A

Câu 82: Cái ...chỉ tồn tại trong mối liên hệ với cái...  
a) Chung/Riêng.  
b) Riêng/Chung.  
c) Chung/Đơn nhất.  
d) Đơn nhất/Riêng.

B

Câu 83: Cái ...là cái toàn bộ, phong phú hơn cái...  
a) Chung/Riêng.  
b) Riêng/Chung.  
c) Chung/Đơn nhất.  
d) Đơn nhất/Riêng.

B

Câu 84: Cái ...là cái bộ phận, nhưng sâu sắc hơn cái...  
a) Chung/Riêng.  
b) Riêng/Chung.  
c) Chung/Đơn nhất.  
d) Đơn nhất/Riêng.

B

Câu 85: Cái... và cái... có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật.  
a) Chung/Riêng.  
b) Riêng/Chung.  
c) Chung/Đơn nhất.  
d) Đơn nhất/Riêng.

C

Câu 86: Giả sử khái niệm Việt Nam là một "cái riêng" thì yếu tố nào sau đây là cái đơn nhất?  
a) Con người.  
b) Quốc gia.  
c) Văn hóa.  
d) Hà Nội.

D

Câu 87: Triết gia nào cho rằng: "Cái chung là những ý niệm tồn tại vĩnh viễn, bên cạnh những cái riêng có tính chất tạm thời"?  
a) Đêmôcrit.  
b) Hêraclit.  
c) Platôn.  
d) C.Mác.

C

Câu 88: Khi một sự vật, một hiện tượng mới được nảy sinh thì yếu tố xuất hiện đầu tiên là:  
a) Cái chung.  
b) Cái riêng.  
c) Cái đơn nhất.  
d) Cái phổ biến.

C

Câu 89: Phạm trù nhằm chỉ những biến đổi xuất hiện do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra, gọi là gì?  
a) Nguyên nhân.  
b) Kết quả.  
c) Khả năng.  
d) Hiện thực.

B

Câu 90: Nguyên nhân và kết quả cái nào có trước?  
a) Nguyên nhân.  
b) Kết quả.  
c) Cả hai cùng xuất hiện trước.  
d) Không cái nào xuất hiện trước.

A

Câu 91: Trong các cặp khái niệm dưới đây, cặp nào có quan hệ nhân quả?  
a) Đông - Tây.  
b) Nghèo - Dốt.  
c) Xuân - Hạ.  
d) Ngày - Đêm.

B

Câu 92: Có rất nhiều loại nguyên nhân như: nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân bên trong, nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân chủ quan, nguyên nhan khách quan...điều đó chứng tỏ là...  
a) Một kết quả chỉ có thể do một loại nguyên nhân gây ra.  
b) Một kết quả có thể do nhiều loại nguyên nhân gây ra.  
c) Một kết quả có thể không cần nguyên nhân gây ra.  
d) Không thể nhận thức được quan hệ nguyên nhân - kết quả.

B

Câu 93: "Đói nghèo" và "dốt nát", hiện tượng nào là nguyên nhân, hiện tượng nào là kết quả?  
a) Đói nghèo là nguyên nhân, dốt nát là kết quả.  
b) Dốt nát là nguyên nhân, đói nghèo là kết quả.  
c) Cả hai đều là nguyên nhân.  
d) Hiện tượng này vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của hiện tượng kia.

D

Câu 94: Mối liên hệ nhân quả có các tính chất gì?  
a) Tính khách quan và tính phổ biến.  
b) Tính khách quan và tính tất yếu.  
c) Tính khách quan, tính chủ quan và tính tất yếu.  
d) Tính khách quan, tính phổ biến và tính tất yếu.

D

Câu 95: Những sự vật, hiện tượng nếu có cùng nguyên nhân trong những điều kiện giống nhau sẽ tạo nên kết quả như nhau. Điều này thể hiện tính chất gì trong mối liên hệ nhân quả?  
a) Tính khách quan.  
b) Tính phổ biến.  
c) Tính tất yếu.  
d) Tính biện chứng.

C

Câu 96: Ph.Ăngghen cho rằng: Đối với ai phủ nhận...thì mọi quy luật tự nhiên đều là giả thuyết.  
a) Vấn đề nội dung hình thức.  
b) Phạm trù khả năng - hiện thực.  
c) Tính nhân quả.  
d) Tính biện chứng.

C

Câu 97: Vật trong chân không luôn chuyển động với gia tốc 9,8 m/s2; nước ở áp suất 1 atmôtphe luôn sôi ở 100oC. Điều này chứng tỏ...  
a) Giữa nguyên nhân và kết quả có mối quan hệ sản sinh.  
b) Nguyên nhân luôn có trước kết quả.  
c) Một nguyên nhân nhất định, trong những hoàn cảnh giống nhau sẽ tạo nên những kết quả giống nhau.  
d) Không chứng tỏ được điều gì.

C

Câu 98: Cái do nguyên nhân cơ bản bên trong của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện nhất định nó phải sảy ra như thể chứ không thể khác được gọi là?  
a) Tất nhiên.  
b) Ngẫu nhiên.  
c) Hệ quả.  
d) Bản chất.

A

Câu 99: Cái không do mối liên hệ bản chất bên trong kết cấu vật chất, bên trong sự vật quyết định, mà do các nhân tố bên ngoài , do sự ngẫu hợp của nhiều hoàn cảnh bên ngoài quyết định gọi là gì?  
a) Tất nhiên.  
b) Ngẫu nhiên.  
c) Khả năng.  
d) Hiện thực.

B

Câu 100: Cái ngẫu nhiên là cái...  
a) Diễn ra hoàn toàn không chịu sự chi phối của quy luật nào.  
b) Hoàn toàn diễn ra theo quy luật.  
c) Biểu hiện của quy luật.  
d) Không biểu hiện của bất cứ quy luật nào.

D

Câu 101: Ném một đồng xu có hai mặt đen và trắng lên trời, đồng xu rơi xuống đất và ngửa mặt đen lên trên. Đấy là tất nhiên hay ngẫu nhiên?  
a) Tất nhiên.  
b) Ngẫu nhiên.  
c) Vừa tất nhiên vừa ngẫu nhiên.  
d) Không phải tất nhiên và cũng không phải ngẫu nhiên.

C

Câu 102: ... tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người.  
a) Tất nhiên và ngẫu nhiên.  
b) Chỉ mỗi tất nhiên.  
c) Chỉ mỗi ngẫu nhiên.  
d) Tất nhiên và ngẫu nhiên đều không.

A

Câu 103: Câu nào dưới đây là câu đúng và đủ?  
a) Tất nhiên có thể chuyển hóa thành ngẫu nhiên.  
b) Ngẫu nhiên có thể chuyển hóa thành tất nhiên.  
c) Tất nhiên và ngẫu nhiên không thể chuyển hóa cho nhau.  
d) Tất nhiên và ngẫu nhiên có thể chuyển hóa cho nhau.

D

Câu 104: C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng: Cái mà người ta quả quyết cho là...thì lại hoàn toàn do những cái...cấu thành và cái được coi là...lại là hình thức trong đó ẩn nấp...  
a) Tất yếu/ ngẫu nhiên; ngẫu nhiên/ tất yếu.  
b) Ngẫu nhiên/ tất yếu; Tất yếu/ ngẫu nhiên.  
c) Tất yếu/ ngẫu nhiên; Tất yếu/ ngẫu nhiên.  
d) Ngẫu nhiên/ tất yếu; Ngẫu nhiên/ tất yếu.

A

Câu 105: V.I.Lênin cho rằng: Tính...không thể tách rời tính phổ biến.  
a) Nhân quả.  
b) Tất nhiên.  
c) Đơn nhất.  
d) Hiện thực.

B

Câu 106: C.Mác cho rằng: Nếu như...không có tác dụng gì cả, thì lịch sử sẽ có một tính chất rất thần bí.  
a) Tất nhiên.  
b) Ngẫu nhiên.  
c) Nguyên nhân.  
d) Kết quả.

B

Câu 107: ...là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của sự vật đó.  
a) Nguyên nhân.  
b) Kết quả.  
c) Nội dung.  
d) Hình thức.

D

Câu 108: Trong các cụm từ dưới đây, cụm từ nào được xem là "hình thức" trong cặp phạm trù "nội dung - hình thức" mà phép biện chứng duy vật nghiên cứu: " Truyện kiều là..."  
a) Tác phẩm của Nguyễn Du.  
b) Tác phẩm thơ lục bát.  
c) Tác phẩm có bìa màu xanh.  
d) Tác phẩm ra đời vào thế kỷ XVIII.

B

Câu 109: Trong tác phẩm "biện chứng của tự nhiên", Ph.Ăngghen viết: toàn bộ giới tự nhiên hữu cơ là bằng chứng liên tục nói lên rằng...là đồng nhất và không thể tách rời được.  
a) Nguyên nhân và kết quả.  
b) Khả năng và hiện thực.  
c) Nội dung và hình thức.  
d) Bản chất và hiện tượng.

C

Câu 110: Không có ...tồn tại thuần túy không chứa đựng..., ngược lại cũng không có...lại không tồn tại trong một...xác định.  
a) Hình thức/nội dung; Nội dung/ hình thức.  
b) Nội dung/ hình thức; Hình thức/ nội dung.  
c) Hiện tượng/ bản chất; Bản chất/ hiện tương.  
d) Bản chất/ hiện tượng; Hiện tượng/ bản chất.

A

Câu 111: Trong quá trình vận động, phát triển của sự vật,...giữ vai trò quyết định...  
a) Hình thức/ nội dung.  
b) Nội dung/ hình thức.  
c) Hiện tượng/ bản chất.  
d) Ngẫu nhiên/ tất nhiên.

B

Câu 112: Trong mối quan hệ giữa "lực lượng sản xất và quan hệ sản xuất", yếu tố nào là nội dung, yếu tố nào là hình thức?  
a) Lực lượng sản xuất là nội dung - quan hệ sản xuất là hình thức.  
b) Quan hệ sản xuất là nội dung- lực lượng sản xuất là hình thức.  
c) Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đều là nội dung.  
d) Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đều là hình thức.

A

Câu 113: Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật gọi là gì?  
a) Bản chất.  
b) Hiện tương.  
c) Nội dung.  
d) Hình thức.

A

Câu 114: Hiện tượng là...  
a) Một bộ phận của bản chất.  
b) Luôn đồng nhất với bản chất.  
c) Biểu hiện bên ngoài của bản chất.  
d) Kết quả của bản chất.

C

Câu 115: Trong chủ nghĩa tư bản, ... quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân là quan hệ bóc lột.  
a) Hình thức.  
b) Nội dung.  
c) Bản chất.  
d) Hiện tượng.

C

Câu 116: "Thế giới những thực thể tinh thần tồn tại vĩnh viễn và bất biến là bản chất chân chính của mọi sự vật". Đây là quan niệm của ai?  
a) Đêmôcrít.  
b) Hêraclit.  
c) Platôn.  
d) Ph.Ăngghen.

C

Câu 117: "Bản chất chỉ là tên gọi trống rỗng mà con người tưởng tượng ra, nó không tồn tại trên thực tế". Đây là quan niệm của trường phái triết học nào?  
a) Duy tâm khách quan.  
b) Bất khả tri.  
c) Duy vật biện chứng.  
d) Duy tâm chủ quan.

D

Câu 118: V.I.Lênin cho rằng: Nhận thức đi từ...đến..., từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn.  
a) Hình thức/ nội dung.  
b) Nội dung/ hình thức.  
c) Bản chất/ hiện tượng.  
d) Hiện tượng/ bản chất.

D

Câu 119: Trong tác phẩm bút ký triết học, V.I.Lênin có ví mối quan hệ giữa "...và..." với sự vận động của một con sông - bọt ở bên trên và luồng nước sâu ở dưới.  
a) Nội dung và hình thức.  
b) Khả năng và hiện thực.  
c) Hiện tượng và bản chất.  
d) Tất yếu và ngẫu nhiên.

C

Câu 120: ... tương đối ổn định, biến đổi chậm. Ngược lại...không ổn định mà luôn biến đổi.  
a) Nội dung/ hình thức.  
b) Bản chất/ hiện tượng.  
c) Hiện tượng/ bản chất.  
d) Hình thức/ nội dung.

B

Câu 121: Phạm trù triết học dùng để chỉ những gì hiện có, hiện tồn tại thực sự gọi là gì?  
a) Kết quả.  
b) Hiện thực.  
c) Khả năng.  
d) Hiện thực khách quan.

B

Câu 122: Phạm trù triết học dùng để chỉ những gì chưa có, nhưng sẽ có, sẽ tới khi có điều kiện tương ứng thích hợp gọi là gì?  
a) Nguyên nhân.  
b) Kết quả.  
c) Khả năng.  
d) Hiện thực.

C

Câu 123: Khả năng là cái hiện thực...  
a) Đã sảy ra.  
b) Chưa sảy ra.  
c) Không bao giờ sảy ra.  
d) Đang tồn tại.

B

Câu 124: Hạt thóc khi gieo xuống đất có thể nảy mầm thành cây lúa. Vậy hạt thóc là...  
a) Khả năng.  
b) Hiện thực.  
c) Không phải hiện thực.  
d) Vừa là khả năng vừa là hiện thực.

D

Câu 125: Ở trong lĩnh vực...khả năng không thể tự nó biến thành hiện thực nếu không có sự tham gia của con người.  
a) Tự nhiên.  
b) Tự nhiên và xã hội.  
c) Xã hội.  
d) Tự nhiên và tư duy.

C

Câu 126: V.I.Lênin khẳng định: Chủ nghĩa Mác dựa vào...chứ không phải dựa vào...để vạch ra đường lối chính trị của mình.  
a) Khả năng/ hiện thực.  
b) Hiện thực/ ngẫu nhiên.  
c) Hiện thực/ khả năng.  
d) Tất yếu/ ngẫu nhiên.

C

Câu 127: "Hiện thực chủ quan", khi cần thiết có thể dùng chỉ...  
a) Ý thức.  
b) Vật chất.  
c) Khả năng.  
d) Hiện thực khách quan.

A

Câu 128: Thế nào là mâu thuẫn biện chứng?  
a) Có hai mặt khác nhau.  
b) Có hai mặt trái ngược nhau.  
c) Có hai mặt đối lập nhau.  
d) Sự thống nhất của các mặt đối lập.

D

Câu 129: Chất của sự vật được tạo nên từ...  
a) Một thuộc tính.  
b) Nhiều thuộc tính.  
c) Thuộc tính cơ bản và không cơ bản.  
d) Chỉ từ thuộc tính cơ bản.

C

Câu 130: Thế nào là độ của sự vật?  
a) Trong một phạm vi, lượng - chất thống nhất với nhau.  
b) Trong một khoảng, lượng và chất thống nhất với nhau.  
c) Duy trì mối quan hệ, lương - chất thống nhất với nhau.  
d) Trong một giới hạn, lượng - chất thống nhất nói lên sự vật là nó.

D

Câu 131: Khái niệm "bước nhảy"?  
a) Sự đột biến.  
b) Chuyển dần về chất.  
c) Hoàn thiện chất.  
d) Quá trình biến đổi về chất diễn ra tại điểm nút.

D

Câu 132: Phủ định biện chứng là sự phủ định:  
a) Làm cho sự vật thay đổi hình thái.  
b) Làm xuất hiện sự vật mới.  
c) Tạo ra điều kiện, tiền đề cho sự phát triển.  
d) Thủ tiêu sự vật cũ.

C

Câu 133: Bất kỳ sự phủ định nào cũng tạo ra sự ... của sự vật.  
a) Biến đổi.  
b) Phát triển.  
c) Nhân tố mới ở trình độ cao.  
d) Kế thừa cho sự tiến bộ và phát triển.

A

Câu 134: Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính cho sự vật là nó:  
a) Chất.  
b) Lượng.  
c) Độ.  
d) Điểm nút.

A

Câu 135: Mỗi sự vật trong điều kiện xác định:  
a) Chỉ có một thuộc tính.  
b) Có một số thuộc tính.  
c) Có vô vàn thuộc tính.  
d) Có một số thuộc tính xác định.

D

Câu 136: Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định vốn có của các sự vật, hiện tương về mặt số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại của sự vật và tốc độ, nhịp điệu của sự vận động, phát triển của sự vật?  
a) Chất.  
b) Lượng.  
c) Độ.  
d) Điểm nút.

B

Câu 137: Khái niệm nào dùng để chỉ khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa dẫn đến sự thay đổi căn bản chất của sự vật ấy?  
a) Chất.  
b) Lượng.  
c) Độ.  
d) Điểm nút.

C

Câu 138: Khái niệm nào dùng để chỉ sự chuyển hóa về chất do sự biến đổi trước đó về lượng tới giới hạn điểm nút?  
a) Chất.  
b) Lượng.  
c) Độ.  
d) Bước nhảy.

D

Câu 139: Khái niệm nào dùng để chỉ thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đủ làm thay đổi về chất của sự vật?  
a) Chất.  
b) Lượng.  
c) Độ.  
d) Điểm nút.

D

Câu 140: Không phải mọi sự thay đổi về lượng đều:  
a) Có khả năng dẫn đến thay đổi về chất.  
b) Ngay lập thức thay đổi về chất.  
c) Không thể lập tức làm thay đổi về chất.  
d) Không làm thay đổi về chất.

A

Câu 141: Chất và lượng:  
a) Không có mối quan hệ gì với nhau.  
b) Chỉ có mối quan hệ giữa chất với lượng.  
c) Chỉ có mỗi quan hệ giữa lượng với chất.  
d) Có mối quan hệ biện chứng với nhau.

D

Câu 142: Theo nghĩa biện chứng, mâu thuẫn là:  
a) Những gì khách nhau nhưng có mối liên hệ với nhau.  
b) Những gì trái ngược nhau.  
c) Những gì vừa đối lập với nhau vừa là điều kiên tiền đề tồn tại của nhau.  
d) Những gì có xu hướng thủ tiêu lẫn nhau.

C

Câu 143: Trong phép biện chứng, khái niệm nào dùng để chỉ tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đó?  
a) Thống nhất của các mặt đối lập.  
b) Đấu tranh của các mặt đối lập.  
c) Khái niệm mâu thuẫn.  
d) Khái niệm xung đột.

B

Câu 144: Cái gì được xác định là nguồn gốc và động lực của sự phát triển?  
a) Mâu thuẫn.  
b) Mâu thuẫn biện chứng.  
c) Đấu tranh.  
d) Thống nhất.

B

Câu 145: Mối quan hệ giữa đấu tranh và thống nhất của các mặt đối lập trong một mâu thuẫn:  
a) Đấu tranh là tuyệt đối.  
b) Thống nhất là tuyệt đối.  
c) Đấu tranh là tương đối.  
d) Đấu tranh là tuyệt đối, còn thống nhất là tương đối.

D

Câu 146: V.I.Lênin từng nhận định thực chất của phép biện chứng là gì với tư cách là phép biện chứng của nhận thức?  
a) Đồng nhất các mặt đối lập.  
b) Phân đôi cái thống nhất thành các mặt đối lập.  
c) Phân đôi cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó.  
d) Phân tách sự vật thành các bộ phận cụ thể.

C

Câu 147: Hoàn thiện luận điểm sau: "Sự phân đôi của cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó, đó là...của phép biện chứng".  
a) Thực chất.  
b) Nội dung.  
c) Nội dung cơ bản.  
d) Hình thức.

A

Câu 148: Quá trình thay đổi các hình thái tồn tại của sự vật được gọi là:  
a) Phủ định.  
b) Phủ định biện chứng.  
c) Sự thay thế.  
d) Sự hủy diệt.

A

Câu 149: Phủ định biện chứng có đặc trưng cơ bản nào?  
a) Tính khách quan và tính mâu thuẫn.  
b) Tính mâu thuẫn và tính kế thừa.  
c) Tính kế thừa và tính phát triển.  
d) Tính khách quan và tính kế thừa.

D

Câu 150: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mục đích của nhận thức?  
a) Nhận thức để thỏa mãn sự hiểu biết của con người.  
b) Nhận thức vì ý chí của thượng đế.  
c) Nhận tức vì sự thực hiện quá trình phát triển của ý niệm tuyệt đối.  
d) Nhận thức nhằm phục vụ nhu cầu của thực tiễn.

D